

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2018
V/v: ly hôn giữa chị T
và anh Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Thủy

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm: 1988, “có mặt”

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Anh Dương Thanh Q, sinh năm 1987, “có mặt”

HKTT: khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Dương Thanh Q tự nguyện chung sống với nhau năm 2005, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND thị trấn H, huyện Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Q đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều lần, chị T và gia đình đã khuyên ngăn nhưng anh Q vẫn không từ bỏ được, ngoài ra anh Q còn thường chửi bới, đánh đập chị T vô cớ, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai người không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay, chị T không còn tình cảm với anh Q, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Dương Quốc L, sinh ngày 12-8-2007. Hiện con đang ở với anh Q, nay chị T đồng ý giao con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Dương Thanh Q trình bày: Anh Q thống nhất như lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình. Anh Q thừa nhận khoảng 3-4 năm về trước, anh Q có đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, mỗi lần chị T khuyên là anh Q chửi mắng và đánh đập chị T. Nhưng từ đầu năm 2018 đến nay, anh Q đã sửa đổi tính tình, chí thú làm ăn và đã trả hết nợ cờ bạc, do đó khoảng thời gian này vợ chồng sống rất hạnh phúc, không có xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng như chị T trình bày. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2018 không biết lý do gì chị T bỏ nhà đi, anh Q đã tìm kiếm chị T nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không gặp được. Nay, anh Q vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho con, nhưng chị T không đồng ý nên anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung: Anh Q đồng ý nuôi dưỡng con theo yêu cầu của chị T, nhưng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: thống nhất như ý kiến và yêu cầu của chị T.

3. Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương vào ngày 29 tháng 10 năm 2018 thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên sau khi Tòa án mời chị T và anh Q lên làm việc, khi trở về anh Q đã đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập chị T. Chị T đã báo chính quyền địa phương nhờ can thiệp, từ đó đến nay chị T không dám về nhà mà ở nhờ nhà người quen, chờ Tòa án giải quyết ly hôn.

4. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Dương Quốc L trình bày: Hiện cháu đang sống với ba, trường hợp cha mẹ ly hôn cháu L có nguyện vọng được ở với ba.

5. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị T xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Kim T và anh Dương Thanh Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyền số 03/2007 vào ngày 03 tháng 8 năm 2007. Do đó, xác định hôn nhân của chị T và anh Q là hợp

pháp. Nay, chị T xin ly hôn với lý do anh Q đam mê cờ bạc gây ra nợ nần nhiều lần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị T, từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng có nhiều rạn nứt, không còn hạnh phúc và đã ly thân từ đầu tháng 9 năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa, anh Q cho rằng còn rất thương vợ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, vì vậy anh Q đồng ý thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Q.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh Q có 01 con chung là Dương Quốc L, sinh ngày 12-8-2007. Xét thấy, hiện tại anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng con và cháu L có nguyện vọng được sống chung với cha. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét, đây là sự tự nguyện của chị T và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị T và anh Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[2.5] *Về nợ chung*: Chị T và anh Q xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xét đến.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; anh Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Dương Thanh Q thuận tình ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Dương Quốc L, sinh ngày 12-8-2007 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con như sau: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh Q xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

- Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng cộng tiền án phí là 600.000đồng (sáu trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số TU/2016/0003708 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Chị T còn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Anh Dương Thanh Q không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT H;
- (GCNKH số 191, quyền số 03/2007, ngày 03-8-2007)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung